

Làm thế nào thúc đẩy được việc công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế quốc gia? Theo thiết ý, thì vấn đề này có 3 cách: một là, phát huy nội lực của nền kinh tế Việt Nam, hai là, sử dụng đầu tư, viện trợ của nước ngoài, ba là, phối hợp cả 2 cách 1 và 2, như vậy sẽ đạt được mức phát triển cao và nhanh nhất. Xin trình bày và so sánh các phương pháp trên đây.

I. LÀM THẾ NÀO PHÁT HUY NỘI LỰC CỦA NỀN KINH TẾ?

1. Trước tiên, phải xây dựng cho bằng được một KVSX KVI. Công nghiệp này được gọi là “nặng” và bao gồm các ngành như điện lực, sắt thép, xi măng, hóa dầu, tụy nhiên, cái lõi của KVSX I là các nhà máy cơ khí có nhiệm vụ sản xuất máy móc và các công cụ sản xuất khác. KVSX I là cái lõi của chương trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Lý luận hình thành, phát triển KVSX I là một trong những đóng góp xuất sắc nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nước ta chủ trương “phát triển từ nội lực bản thân nền kinh tế quốc gia”. Muốn hoàn thành việc này, thì không có gì bằng việc thành lập, phát triển nhanh KVSX I, đặc biệt là các nhà máy có nhiệm vụ sản xuất máy móc, các công cụ sản xuất, và tập trung mọi nỗ lực ưu tiên phát triển KVSX I này. Chúng ta đang cần công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Do đó, chúng tôi kiến nghị nên áp dụng chính sách ưu tiên xây dựng KVSX I thay vì tìm tòi các lý thuyết “mới” không có hiệu quả cao như lý luận Mác Lênin.

Nếu tổ chức được một KVSX I tốt, thì có những lợi sau đây: (a) tự sản xuất lấy bất cứ những loại máy và chi tiết phức tạp nhất của các máy. (b) chỉ cần nhập khẩu 1 hay 2 cái máy làm mẫu, sau đó, tháo tung ra rồi photocopy có canh cái cho thích hợp với điều kiện sản xuất địa phương. (c) do máy có những chi tiết mới và có một số điểm khác máy nước ngoài nên khỏi cần trả tiền mua bản quyền của nước ngoài. (d) giá sẽ rẻ ít ra đến 3-5 hay 10 lần so với máy nhập từ

nước ngoài, do đó với một số vốn 4-5 tỷ USD có thể lập các chương trình đầu tư bằng 15 đến 40-50 tỷ USD so với việc nhập khẩu máy từ nước ngoài. (e) cân thương mại sẽ nhanh chóng từ thiếu hụt trở nên thặng dư do không phải trả những số tiền rất lớn mua máy hay nhập khẩu hàng công nghiệp nước ngoài. (g) sẽ giữ được độc lập kinh tế. (h) bỏ qua các giai đoạn trung gian và đi ngay vào công nghiệp tiên tiến nhất của thế giới.

2. Thứ hai là phải kiểm soát các nguồn ngoại tệ và ưu tiên dùng các nguồn ngoại tệ này trong việc nhập khẩu các máy, vận bằng sáng chế, các kỹ thuật cao. Đ/C Đỗ Mười, ngày 11-1-1995 viết trên báo Nhân Dân: “*Vừa qua, chúng ta lãng phí rất ghê gớm, mua sắm quá nhiều hàng tiêu dùng cao cấp, đắt tiền. Tại sao không dùng tiền đó để công nghiệp hoá*

Như vậy là vốn đầu tư không phải là không có, nó nằm ở trong việc tiêu pha, lãng phí các nguồn ngoại tệ nhập khẩu xe gắn máy, xe ô tô du lịch, rượu lậu, xe đạp, giấy, sữa bột v.v..., nếu cắt giảm các số tiền tiêu ngoại tệ lãng phí trên, sẽ có vốn phát triển từ nội lực bản thân nền kinh tế quốc gia.

3. Nếu giả thuyết ngoại tệ để nhập khẩu máy móc thiết bị ngoại là 4-6 tỷ USD, và máy do KVSX I có trị giá năm đầu là 4 tỷ USD (các năm sau số này sẽ tăng vọt do sự phát triển của KVSX I), các chương trình “đầu tư bằng sức lao động” như đào kênh bằng sức người, máy thô sơ, đầu tư phục hồi nuôi tôm sú, trồng rừng v.v... là 2-3 tỷ USD, chúng ta có số đầu tư ít ra khoảng trên 10 tỷ USD. GDP Việt Nam hiện ước 26 tỷ USD, tỷ lệ đầu tư từ nội lực bản thân nền kinh tế quốc gia là 10/26 hay 38,46% năm. Những nhà kinh tế cho rằng chỉ

cần đầu tư lên đến 30% GDP cũng đủ để thực hiện giai đoạn cất cánh. Con số đầu tư / GDP 38,46% trên cho thấy Việt Nam ngày nay có khả năng hoàn thành giai đoạn cất cánh từ “nội lực bản thân nền kinh tế quốc gia”.

4. Phát triển nhờ vốn vay từ nước ngoài: Phương án này được người Nhật áp dụng từ 1945 đến 1964, sau đó nền kinh tế Nhật đã phát triển nên không cần vay vốn nước ngoài nữa.

TS. LÊ KHOA

Tương tự, chúng ta vay vốn quốc tế để trồng cà phê xuất khẩu trên diện tích hàng 500.000 ha tại cao nguyên là một việc nên thực hiện. Đây cũng là một phương pháp phát triển đầu tư “từ nội lực bản thân nền kinh tế quốc gia”, dựa trên sự tính toán, vay mượn: các số thu từ ngoại tệ xuất khẩu phải đủ để thanh toán nợ vốn và lãi thì mới có khả năng trả được nợ và giữ uy tín quốc gia.

Đồng thời, có thể làm hàng loạt dự án nhằm vào việc phát triển hàng xuất khẩu. Nhờ các dự án trên, và với điều kiện các dự án tạo ra đủ ngoại tệ để trả vốn và lãi vay, sau một thời gian, Việt Nam sẽ có những nhà máy thuộc quyền sở hữu Việt Nam và đã trả dứt nợ vay nước ngoài. Nếu như không vay tiền nước ngoài, sẽ không có những nhà máy trên.

5. Thử tính hiệu quả của một số chương trình đầu tư.

PHÁT HUY NỘI LỰC CỦA NỀN KINH TẾ SO SÁNH VỚI CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN KHÁC

nông nghiệp, nông thôn, để xóa đói giảm nghèo? Sự tiêu tiêu xài hiện nay là điều không thể chấp nhận được, là vượt quá khả năng nền kinh tế cho phép. Các cấp phải thảo luận dứt khoát về vấn đề này, không được biến nước ta thành xã hội tiêu thụ”. Một chiếc xe gắn máy ước 2000 USD, nếu nhập khẩu 400.000 chiếc / năm, số tiền nhập khẩu lên đến 800 triệu USD. Nếu giảm nhập khẩu xe gắn máy, sẽ có vốn công nghiệp hoá hiện đại hoá nông thôn “- Không phải riêng về xe gắn máy, - có thể thay bằng việc nhập khẩu một số xe buýt hay tốt nhất là chỉ nhập khẩu những phần chưa chế tạo được của xe buýt còn chúng ta tự đóng lấy khung xe, thùng xe - mà còn rất nhiều loại hàng khác có thể giảm nhập khẩu mà không có phương hại cho đời sống nhân dân, như rượu ngoại (ước nhập khẩu lậu hàng 100 triệu USD / năm - 600.000 chiếc xe đạp Trung Quốc.

Muốn công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cái cốt lõi là tăng đầu tư. Đầu tư là xây các nhà máy mới, các đường sá mới, trồng thêm rừng cà phê, cao su, đóng thêm tàu đánh cá v.v.... Ở trên đã trình bày những phương pháp tăng đầu tư hay xây các nhà máy mới: xây dựng và phát triển mạnh KVSX I, đầu tư bằng "sức lao động - tiền Việt Nam", đầu tư bằng cách nhập khẩu các máy từ nước ngoài hoặc vay tiền nước ngoài để nhập máy hay phát triển KVSX I, sử dụng đầu tư của nước ngoài cũng để phát triển KVSX I hay nhập khẩu máy từ nước ngoài. Tóm lại:

Tổng đầu tư Việt Nam = Máy sản xuất trong nước + Đầu tư bằng sức lao động + Máy, thiết bị nhập

Vậy muốn tính tổng đầu tư Việt Nam là bao nhiêu, chỉ cần xem KVSX I Việt Nam sản xuất được bao nhiêu máy, xây được bao nhiêu nhà mới, cầu cống công việc gì thiết bị máy nhập và được lắp ráp, đưa vào sử dụng

Tổng đầu tư Việt Nam được đo bằng 2 chỉ số thống kê. Thứ nhất là tổng giá trị đầu tư mỗi năm : bao nhiêu tỷ USD năm? Thứ hai là tỷ lệ so sánh với GDP. Số tiền đầu tư hàng năm và tỷ lệ so với GDP càng lớn bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu.

Năm 1997, GDP Việt Nam được tạm ước khoảng 26 tỷ USD và đầu tư, khoảng 20% GDP, ước 5,2 tỷ USD. Thứ giả thuyết đầu tư được tăng bằng 3 cách nêu trên: thiết lập KVSX I, đầu tư bằng sức lao động và tiền Việt Nam + đầu tư bằng cách nhập máy nước ngoài. Như vậy, tỷ lệ Đầu Tư /GDP sẽ được nâng cao:

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá bằng cách nâng cao tỷ lệ Đầu Tư /GDP

GDP VN (tỷ USD)	Tỷ lệ Đầu Tư so với GDP	Trị giá Đầu Tư
26	20%	5,2
26	25%	6,5
26	30%	7,8
26	35%	9,1

Thay vì so sánh Đầu Tư với GDP, cũng có thể so sánh Đầu Tư với GDP + Nhập Khẩu (hay Tổng Cung). Nếu ước nhập khẩu là 12 tỷ USD, Tổng Cung = GDP 26 tỷ + Nhập Khẩu 12 tỷ = 38 tỷ USD.

So sánh Đầu Tư với Tổng Cung

GDP+NK = Tổng CUNG	Đầu tư VN	Tỷ lệ đầu tư trên Tổng CUNG
38	6,5	17,10%
38	7,8	20,52%
38	9,1	23,94%

Ở trên chúng ta giả thuyết rằng GDP Việt Nam có giá trị cố định là 26 tỷ USD trong năm 1997. Chúng ta

biết rằng $GDP = k * \text{Khối Tiền}$. Phương trình có nghĩa như sau : Sự tăng gia GDP (ΔGDP) là một hàm số của Khối Tiền. Nói một cách khác, khi ngân hàng tung tiền đúng chỗ thì GDP tăng. Thí dụ như năm 1997 công suất ximăng trên 10 triệu tấn, sắt trên 1,7 triệu tấn, song sản lượng thực tế không đạt 2/3 công suất thiết kế. Năm 1998 có thêm nhiều nhà máy xi măng được đưa vào sản xuất, công suất lên đến 13 triệu tấn, do đó có khoảng 5 triệu tấn sẽ không được tiêu thụ: các nhà máy xi măng đối phó bằng phương pháp tự hạn chế bớt sản lượng. Nếu như ngân hàng đồng ý tung tiền để lập hàng loạt khu gia cư, trường học, nhà thương, và giao cho các nhà thầu Việt Nam xây các khu gia cư này, sắt thép và xi măng sẽ tiêu thụ hết ngay. Như vậy, việc tăng tiền và bơm tiền vào nền kinh tế sẽ có tác dụng làm tăng GDP khi công suất các nhà máy chưa sử dụng hết, đó là trường hợp Việt Nam ngày nay.

Ngoài giả thuyết "Tiền tăng làm GDP tăng trong môi trường đình đốn", còn có giả thuyết sau đây: Nếu hạn chế nhập khẩu những loại hàng có thể chế tạo trong nước sẽ làm cho GDP tăng mạnh, thí dụ như nếu bớt nhập khẩu sữa bột, phụ tùng xe gắn máy, giấy, đường, thuốc Au được, mỹ phẩm, 100 triệu USD rượu lậu, 600.000 chiếc xe đạp v.v..., thì các nhà máy Việt Nam sẽ lập tức tăng sản lượng để đáp ứng nhu cầu thị trường do sự thiếu hàng ngoại trên đây. Do đó GDP Việt Nam sẽ tăng mạnh.

Bằng cách phối hợp 2 biện pháp tung tiền và bớt nhập khẩu để tăng GDP trên, có thể đưa ra giả thuyết GDP tăng trong các kịch bản sau đây:

Tổng Cung Tiền khởi (= GDP+ NK)	GDP tăng nhờ tiền phát hành tăng	GDP tăng nhờ: thay đổi XNK tăng nhập máy giảm nhập HTD	Tổng Cung sau khi phát hành thêm tiền và thay đổi XNK	Trị giá Đầu Tư nội	Tỷ lệ Đầu Tư trên Tổng Cung
Kịch bản 1 -> 38			38	5,2	13,21%
Kịch bản 2 -> 38	2	2	42	6,5	15,47%
Kịch bản 3 -> 38	3	3	44	7,8	17,72%
Kịch bản 4 -> 38	5	4	47	9,1	19,36%

Qua các kịch bản 1,2,3 và 4, do GDP tăng nhờ các chính sách vĩ mô uyển chuyển, như tăng tiền phát hành để tài trợ đầu tư, giảm nhập khẩu hàng tiêu dùng khiến cho sản xuất nội tăng thêm để thay vào chỗ thiếu của hàng nhập khẩu, tăng nhập khẩu máy khiến cho sản xuất nội tăng thêm nhờ trang bị máy mới, Tổng Cung có thể tăng từ 38 tỷ USD (kịch bản 1) lên 42 tỷ USD (kịch bản 2), 44 tỷ (kịch bản 3) hay 47 tỷ USD (kịch bản 4) Tỷ lệ đầu tư so với Tổng Cung tương ứng trong các kịch bản

trên là 13,21 - 15,47-17,72 và 19,36%. Do GDP tăng nhờ có một chính sách tiền tệ tín dụng thích hợp, nên vẫn có thể tăng nhiều đầu tư mà không cần đòi hỏi người dân phải thắt lưng buộc bụng nhiều.

II. PHÁT TRIỂN VỚI VỐN ĐẦU TƯ CỦA NƯỚC NGOÀI

Chúng ta biết rằng, nếu các nước Á Rập không cho nước ngoài đầu tư, sẽ không có vốn và kỹ thuật để tự bản thân mình khai thác dầu hỏa. Và dù có khai thác được dầu, cũng còn vấn đề tế nhị là thị trường tiêu thụ dầu : sau khi quốc hữu hóa các mỏ dầu, Iran đã gặp các khó khăn là các nước Tây Âu đã không mua dầu của Iran nữa. Do đó, bằng cách kêu gọi đầu tư ở nước ngoài, các nước có tài nguyên vừa giải quyết được vấn đề thiếu vốn, thiếu kỹ thuật và cả vấn đề thị trường tiêu thụ các sản phẩm làm ra. Lẽ dĩ nhiên, sự thiệt thòi cũng không ít, vì chỉ được chia sản phẩm khoảng 50-70% so với tự mình làm lấy. Tuy nhiên, rõ ràng rằng nếu không nhờ ngoại quốc đầu tư thì các mỏ dầu ở Cận Đông hay ở nhiều nước khác trong đó có Indônêsi-a, Việt Nam ngày nay vẫn còn chưa được khai thác.

Từ 1987, Việt Nam đã kêu gọi đầu tư quốc tế và đến nay năm 1998 đã có 12 tỷ USD được đầu tư ở Việt Nam. Nhờ vậy mà có nhiều tiến bộ trong việc khai thác dầu hỏa, du lịch, v.v.... Tuy nhiên, cũng có một số ngành đã cạnh tranh với sản xuất nội địa, khiến cho thị phần các doanh nghiệp Việt Nam giảm, và thị phần các doanh nghiệp nước ngoài tăng. Do đó thiết tưởng cũng nên mở bàn tròn về đầu tư nước ngoài, nhằm vào việc tăng hiệu quả đầu tư nước ngoài đối với phát triển và giảm các thiệt thòi về phía Việt Nam. Trong các biện

pháp đề nghị, có thể hạn chế đầu tư nước ngoài trong các lãnh vực không cạnh tranh với hàng nội và làm ra ngoại tệ (như xuất khẩu) và các lãnh vực vượt khỏi tầm tay Việt Nam.

III. PHỐI HỢP PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN TỪ NỘI LỰC BẢN THÂN VÀ PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Khi nước ngoài xây một số công trình bằng vốn viện trợ (trong vốn viện trợ, chỉ có 1 phần là viện trợ không hoàn trả, còn phần lớn là vốn cho vay) hoặc bằng vốn đầu tư, thường

có những số chỉ bằng ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam. Thí dụ như một phần tín dụng ODA dùng để làm đường đã được dùng để bồi thường cho những chủ đất, chủ nhà ở 2 bên các con đường được mở rộng, đồng thời các công ty làm các con đường mới đã thuê mướn một số lớn nhân công, mua các vật tư ở Việt Nam, đã thuê nhà, thuê đất, các chuyên viên nước ngoài cũng chi tiền để mua các dịch vụ và hàng hóa ở Việt Nam.

Như vậy, khi ngoại quốc thực hiện một số công trình ở Việt Nam, bằng viện trợ, tín dụng ODA, bằng vốn nước ngoài đầu tư, Việt Nam sẽ thu được một số ngoại tệ do "xuất khẩu hàng hóa dịch vụ nội biên".

IV. TỔNG HỢP VÀ SO SÁNH CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN VỚI NHAU

Ở trên, chúng tôi đã trình bày các phương pháp phát triển khác nhau:

(1)- phương pháp phát triển dựa trên nội lực bản thân: bằng cách lập KVSX I, đầu tư bằng sức lao động và tiền Việt, cắt giảm các khoản tiêu ngoại tệ không cần thiết để có thể dồn một ngân khoản ngoại tệ tối đa cho việc nhập máy móc, phương pháp vay tiền quốc tế để đầu tư và trả nợ song phẳng qua việc tính toán kinh doanh có lãi, có khả năng trả nợ vốn và lãi.

(2)- phương pháp phát triển dựa trên viện trợ, đầu tư quốc tế.

(3)- phương pháp phối hợp (1) và (2). Thí dụ như trong các kịch bản phát triển "từ nội lực bản thân nền kinh tế quốc gia, Việt Nam đạt được các số đầu tư "nội" 5,2 -6,5 -7,8 -9,1 tỷ USD, nếu như nước ngoài đầu tư thêm 3-4-5-6 tỷ USD và tỷ lệ ngoại tệ thu được nhờ "xuất khẩu nội biên" là 50%, số tiền này được dùng hết cho việc tăng đầu tư, chúng ta có thể ước những con số đầu tư mới như sau:

niên khóa.

Các số -1,5 -2 -2,5 -3 tỷ đầu tư có nguồn từ việc sử dụng ngoại tệ "xuất khẩu nội biên".

Nếu tổng cộng các khả năng đầu tư trên đây, chúng ta đi đến giả thuyết có thể đạt những những số tiền đầu tư tổng cộng rất lớn: 9,7-12,5-15,3-18,1 tỷ USD cho phép thực hiện hàng loạt đại công trình, vì một công trình "lớn" như cảng sâu Vũng Tàu cũng chỉ giá trên 1 tỷ USD, còn nhà máy lọc dầu cũng chỉ 1,2 đến 1,5 tỷ USD. Quy mô đầu tư có thể lên đến gấp 2 hay 3 lần số đầu tư thực hiện năm 1997, tạm ước khoảng 5,2 tỷ USD.

Chính nhờ đầu tư lớn như trên Việt Nam có thể công nghiệp hoá, hiện đại hoá với một nhịp khá nhanh.

Mặc dù các số đầu tư trên đây chỉ là những số dự phóng, có thực hiện được hay không là do quyết định của các cấp có thẩm quyền, song có điều đáng lưu ý là khả năng đầu tư tối đa nhờ viện trợ, đầu tư quốc tế chỉ là 3 đến 6 tỷ USD/năm, với rất nhiều dè dặt: như giá máy, giá các công trình đầu tư được coi lên đến 3-5 lần, phải trả lãi, lời cho nước ngoài, thị phần các doanh nghiệp Việt Nam giảm trong khi thị phần các doanh nghiệp nước ngoài tăng nhanh, độc lập kinh tế khó lòng giữ vững v.v.... Trong khi chỉ nếu tìm mọi cách để phát triển từ bản thân nền kinh tế quốc gia, có khả năng đầu tư được đến 5,2-9,1 tỷ USD do phát triển mạnh KVSX I và do tiết kiệm chi ly các nguồn ngoại tệ để tăng việc nhập khẩu máy để tự lập lấy các công trình lớn như nhà máy lọc dầu, sản xuất xe gắn máy, xe ô tô, máy cày, máy điều hòa không khí v.v.... Do đó, con đường chủ yếu phát triển phải là từ nội lực nền kinh tế quốc gia chứ không phải là nhờ đầu tư quốc tế và viện trợ quốc tế.

Dúc kết và so sánh các phương án phát triển:

	Phát triển bằng nội lực nền kinh tế quốc gia (1)Trị giá đầu tư nội	Phát triển bằng cách nhờ viện trợ đầu tư quốc tế (2) Trị giá đầu tư quốc tế	Trị giá đầu tư nội tăng thêm nhờ "xuất khẩu nội biên"	Tổng trị giá đầu tư Việt Nam bằng cách phối hợp 3 phương pháp phát triển	Ghi Chú
Kịch bản 1	5,2	3	1,5	9,7	
Kịch bản 2	6,5	4	2	12,5	
Kịch bản 3	7,8	5	2,5	15,3	
Kịch bản 4	9,1	6	3	18,1	

Số tiền đầu tư nhỏ nhất 5,2 tỷ được tính bằng cách ước có thể nhập khẩu 4 tỷ USD máy móc nước ngoài và sản lượng KVSX I là 1,2. Những số 6,5 -7,8- 9,1 được ước bằng cách tăng thêm sản lượng KVSXI và tăng nhập khẩu máy (phát triển từ nội lực nền kinh tế quốc gia)

Các số đầu tư 3-5-6 tỷ là số ước đầu tư ngoại quốc nhận được trong

V. MẤY Ý KIẾN VỀ VIỆC THANH TOÁN ĐẦU TƯ VÀ NỢ QUỐC TẾ

Hiện nay, nợ quốc tế, chưa kể nợ Liên Xô cũ, tạm ước theo một số nguồn tin là trên 13 tỷ USD.

Theo một số quan điểm "lạc quan" thì các nước đang phát triển nên vay tiền quốc tế và dùng tiền này để tăng đầu tư, tăng lượng hàng xuất khẩu, như vậy, chỉ một thời gian sau,

sẽ có xuất siêu và dùng xuất siêu để trả nợ quốc tế. Nhật, Singapore là những nước đã vay tiền nước ngoài để đầu tư, nay đã trở thành những nước phát triển và đã thanh toán nợ nước ngoài song phẳng.

Theo một số quan điểm "bì quan", thì các nước đang phát triển không có khả năng trả nợ quốc tế. Lý do:

- Thua thiệt trong thương mại quốc tế vì xuất khẩu hàng nông khoáng sản giá rẻ bấp bênh, nhập khẩu hàng công nghiệp giá đắt,

- Thua thiệt khi nước ngoài đầu tư và bán máy cho các nước đang phát triển: máy bán, hoặc máy được đầu tư tại các nước đang phát triển thuộc các thế hệ năm 60-70-80 được tân trang lại và cơ giá lên cao 3 đến 4 lần,

- Thua thiệt ngay ở sân nhà: các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài nhờ vốn lớn, kỹ thuật cao dần dần lấn các doanh nghiệp "nội" và cuối cùng trong các nước đang phát triển chỉ còn các doanh nghiệp nước ngoài là chính mà thôi.

- Thua thiệt do tốc độ tăng nợ quốc tế cao, nhất là do việc lãi cộng vào vốn làm cho nợ quốc tế vượt trên khả năng trả nợ hàng năm của các nước đang phát triển.

Bởi các lẽ trên, nên có một số dè dặt về thương mại quốc tế, về đầu tư quốc tế như sau:

a. chỉ nhập khẩu khi nào tối cần thiết, nếu sản xuất được trong nước thì tốt hơn là nên tự sản xuất lấy. Vì lẽ rằng, khi bỏ ngoại tệ mua bông xơ, mua sữa bột, mua nho, mua những thứ mà chúng ta sản xuất lấy được, không những mất ngoại tệ, mà còn mất cả công ăn việc làm đáng lẽ dành cho người Việt Nam. Thí dụ như nếu bột nhập khẩu sữa bột thì đàn bò nội sẽ tăng rất nhanh. Khi mua sữa bột ngoại, không những chúng ta mất ngoại tệ, mà mất cả công ăn việc làm, doanh thu và lợi nhuận đáng lẽ phải dành cho những người nuôi bò sữa Việt Nam,

b. Chỉ mua máy móc nước ngoài khi KVSX I Việt Nam không sản xuất được hay sản xuất không kịp, không đủ cho nhu cầu đầu tư trang bị. Máy phải mới và hiện đại, giá không cao hơn giá trên thị trường quốc tế.

c. chỉ nhờ đến đầu tư quốc tế nếu làm hàng xuất khẩu và nếu sản xuất hàng nội, nếu như Việt Nam chưa có đủ khả năng. Những gì tự đầu tư được thì Việt Nam nên làm lấy không nên nhờ nước ngoài.

Với các dè dặt trên, việc phối hợp phương pháp phát triển từ nội lực bản thân nền kinh tế quốc gia và phương pháp nhờ đến viện trợ đầu tư quốc tế mới đạt kết quả tối ưu ■